

Bản án số: 253/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 9- 2018  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hà Thị Vinh;

Bà Lê Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/6/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/9/2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Lương Quang H.

Địa chỉ: ĐKNKTT: Thôn N, xã LH, huyện HH, tỉnh Thái Bình;

Tạm trú: 317, Khóm 1, thị trấn L V, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp;

*- Bị đơn:* Bà Hoàng Thị D;

Địa chỉ: ĐKNKTT: Tổ 37, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú xóm 17, xã T M, huyện Y S, tỉnh Tuyên Quang;

(Ông H, bà D cùng có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Lương Quang H trình bày: Ông và bà Hoàng Thị D quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường T Q, thành phố T Q, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/3/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng ông số hạnh phúc được khoản 02 năm. Đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ông đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, ông xin ly hôn bà Hoàng Thị D.

Về con chung: Ông và bà Hoàng Thị D có 02 con chung là Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1993 và Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1996. Các con đều đã trưởng thành, không cần chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: ông và bà D không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai bà Hoàng Thị D trình bày bà quen biết ông Lương Quang H, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Quang, thị xã Tuyên Quang ngày 03/3/1993. Sau kết hôn ông bà chung sống cói nhau tại thị xã Tuyên Quang. Từ năm 1996 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Cách đây khoảng 02 năm ông H có liên lạc với bà đề nghị ly hôn. Ông H xin ly hôn, bà nhất trí.

Về con chung: Bà và ông Lương Quang H có 02 con chung là Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1993 và Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1996. Các cháu đều đã trưởng thành, không cần chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai.

Nguyên đơn – ông Lương Quang H đã nộp: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao chung minh thư nhân dân Lương Quang H, Hoàng Thị D; 02 bản sao sổ tạm trú Lương Quang H, Hoàng Thị D; 02 bản sao giấy khai sinh Lương Thị Mỹ H, Lương Thị Mỹ L.

Bị đơn – bà Hoàng Thị D nộp bản sao hợp đồng uỷ quyền giữa ông Lương Quang H và bà Hoàng Thị D ngày 18/12/2017.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhận định:

(1) Bà Hoàng Thị D đăng ký tạm trú tại thôn 17, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn. Ông Lương Quang H có đơn khởi kiện ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án không tiến H hoà giải được vì nguyên đơn, bị đơn đi làm ở xa, xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Các đương sự có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

(3) Hôn nhân của ông Lương Quang H và bà Hoàng Thị D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung của ông H, bà D hoàn thuận, hạnh phúc khoảng 2, 3 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn và ông H, bà D đã sống ly thân từ năm 1996 đến nay. Ông H, bà D không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Lương Quang H ly hôn bà Hoàng Thị D.

(4) Con chung, tài sản chung và vay nợ chung: Ông Lương Quang H và bà Hoàng Thị D có 02 con chung là Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1993 và Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1996. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, không cần chăm sóc,

nuôi dưỡng. Ông Lương Quang H và bà Hoàng Thị D không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

(5) Về án phí: Ông Lương Quang H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Quang H xin ly hôn bà Hoàng Thị D.

Tuyên xử:

**1.** Cho ông Lương Quang H ly hôn bà Hoàng Thị D.

**2.** Về án phí: Ông Lương Quang H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân, gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004682 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi H án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Ông H đã nộp đủ án phí.

**3.** Ông Lương Quang H và bà Hoàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND phường TQ, TP TQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Anh Thành**





